TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/DS-PT
Ngày 14-01-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phan Thị Thanh Mến, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 736/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 649/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 598/2025/QĐ-PT ngày 09/12/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 17/2026/QĐ-PT ngày 06/01/2025 giữa:

***Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1 theo Quyết định số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023).

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An).

Điện thoại: 0931456559. Email: sales@vn.srisawadpower.com

Người đại diện theo pháp luật: Ông SOMYOT NGERNDAMRONG, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông KANOKWATPAISAL N, chức danh: Giám đốc. (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phầS, mã số doanh nghiệp 2901807716 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và

Đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/10/2023).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hà Lê Quang T, chức vụ: Nhân viên (Giấy ủy quyền số 208/2024/UQ-SVN ngày 02-8-2024) và anh Nguyễn Hồ Minh N1, chức vụ: Nhân viên (Giấy ủy quyền số 156/2025/UQ-SVN ngày 23-04-2025). Cùng địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp). (Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N1 vắng mặt tại phiên tòa)

*****Bị đơn*: Anh Trương Văn C, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Chổ ở hiện nay: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn C:* Anh Nguyễn Trường T1, sinh năm 1994; Địa chỉ liên hệ: Số C, đường L, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trương Văn C*: Luật sư Phạm Tuyết M - Công ty L Luật sư Chi nhánh Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số I, Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người kháng cáo*: Anh Trương Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn anh Hà Lê Quang T trình bày:

Ngày 16/6/2017, anh Trương Văn C (sau đây gọi tắt là Khách hàng) có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay gọi tắt là Công ty S) – Chi nhánh C1 (sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố, cụ thể:

1. Tài sản cầm cố như sau:

- 01 (Một) máy gặt đập liên hợp KUBOTA DC70.
- Loại xe KUBOTA –L4508 RXYK850, màu: Cam.
- Số khung L4508VN53900 –số máy V2203-7GU5078.
- Số tiền cầm cố: 204.000.000 đồng
- Mục đích giải ngân: Vay để mua máy gặt đập liên hợp KUBOTA DC70.
- Lãi suất vay: 1%/tháng.
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Do nhu cầu cần có xe phục vụ công việc nên Công ty có ký giấy cho anh Trương Văn C mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 16-6-2017 đến ngày 16-6-2020, phí mượn xe hàng tháng là 2.937.000 đồng, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh C1. Anh C có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trương Văn C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại hợp đồng cầm có đã ký. Tạm tính đến ngày 31-10-2024, anh Trương Văn C còn nợ Công ty số tiền là 256.184.667 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 106.612.667 đồng, P mượn xe: 67.551.000 đồng). Nhân viên Công ty nhiều lần liên hệ anh C nhưng không liên hệ được. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để anh C trả tiền hoặc trả tài sản nhưng anh C vẫn không thực hiện. Do đó, khi khởi kiện Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Trương Văn C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31-10-2024 là 256.184.667 đồng (Trong đó: gốc là 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 106.612.667 đồng, P mượn xe: 67.551.000 đồng) . Ngoài ra, anh C còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 31-10-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Hà Lê Quang T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Trương Văn C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31-10-2024 là 188.633.667 đồng. (Trong đó: Tiền gốc 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn 106.612.667 đồng) và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trương Văn C trình bày:

Qua yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay thì anh C cũng thừa nhận là có ký Hợp đồng cầm cố với Công ty và hiện còn thiếu số tiền gốc hơn 49.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh C cho rằng không mua máy gặt đập liên hợp mà anh C ký hợp đồng mua máy cày, khi ký hợp đồng thì Công ty có giao cho anh C 01 bản hợp đồng nhưng hiện nay anh C đã làm thất lạc. Nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh C không có điều kiện trả lãi cho Công ty. Do đó, qua yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu anh C trả số tiền còn

thiếu tạm tính đến ngày 31-10-2024 là 188.633.667 đồng. (Trong đó: Tiền gốc 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn 106.612.667 đồng) thì anh C không thống nhất vì anh C cho rằng chỉ còn thiếu Công ty số tiền gốc là 49.000.000 đồng

*Tại Quyết định bản án sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Trương Văn C trả phí mượn xe theo thỏa thuận và yêu cầu tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 01-11-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc anh Trương Văn C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền cầm cố tạm tính đến ngày 31-10-2024 tổng cộng là 188.633.667 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn 106.612.667 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.432.000 đồng (đã làm tròn) (Chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay 6.405.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010404 ngày 25-11-2024 (do anh Hà Lê Quang T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 06 năm 2025, Anh Trương văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) theo hướng chỉ đồng ý trả tiền vay gốc số tiền 49.300.000 đồng (Bốn mươn chín triệu ba trăm ngàn đồng) và đồng ý trả lãi

trong hạn số tiền 15.640.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng), không đồng ý trả tiền lãi quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trương Văn C là anh Anh Nguyễn Trường T1 : Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng anh C chỉ đồng ý trả tiền vay gốc số tiền 41.799.999 đồng và đồng ý trả lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng, lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trương Văn C - Luật sư Phạm Tuyết M: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chỉ đồng ý trả tiền vay gốc số tiền 41.799.990 đồng, trả lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng và lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn anh Hà Lê Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến: Đồng ý và chấp nhận yêu cầu của anh Trương Văn C về tổng số tiền phải trả còn lại cho Công ty cổ phần S có ngay bao gồm: Tiền vay gốc số tiền 41.799.999 đồng và đồng ý trả lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng, lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và bị đơn đã tự nguyện thống nhất số tiền phải thanh toán cho khoản vay, cụ thể: Số tiền vay gốc 41.799.999 đồng và lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng, lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng. Xét thấy, sự thoả thuận giữa Công ty cổ phần S và anh C là tự nguyện và phù hợp pháp nên chấp nhận. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Trương Văn C, công nhận sự tự nguyện của đương sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng anh Trương Văn C trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền: 80.922.657 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn là anh Trương Văn C về việc tranh chấp thông qua hợp đồng cầm cố tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh C không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T2 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.1] Căn cứ hợp đồng cầm cố số BHT170601001NA17X được ký kết vào ngày 16/06/2017 giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) với anh Trương Văn C ngày 16/06/2017. Nội dung: Anh Trương Văn C cầm cố tài sản cụ thể như sau: 01 (Một) máy gặt đập liên hợp KUBOTA DC70, loại xe KUBOTA –L4508 RXYK850, màu: Cam, Số khung L4508VN53900, số máy V2203-7GU5078, số tiền cầm cố: 204.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 36 tháng kể từ ngày 16/06/2017 đến ngày 16/6/2020, thanh toán thành 36 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, ngày thanh toán hàng tháng là 16 hàng tháng. Mục đích giải ngân: Vay để mua máy gặt đập liên hợp KUBOTA DC70, lãi suất vay: 1%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phí mượn xe hàng tháng là 2.937.000 đồng theo Giấy mượn tài sản ký kết ngày 16/06/2017 giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với anh Trương Văn C. Thời điểm ký kết giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại biên bản lấy lời khai ngay 06/06/2025 anh Trương Văn C cũng thừa nhận có vay tiền của Công ty S thông qua hợp đồng cầm cố và đã nhận đủ tiền. Do đó, có đủ căn cứ xác nhận giữa Công ty S Có Ngay và anh Trương Văn C đã thực hiện việc cầm cố tài sản và thuê mượn lại tài sản. Ngày 27/05/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm thì đại diện theo ủy quyền của của Công ty S Có Ngay tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với phần phí mượn xe, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phí mượn xe và yêu cầu tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố là phù hợp.

[2.2] Xét Công ty S Có Ngay khởi kiện yêu cầu anh Trương Văn C phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến

ngày 31/10/2024 mà anh C chưa thanh toán tổng cộng là 188.633.667 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc 66.381.000 đồng, tiền lãi trong hạn 15.640.000 đồng, tiền lãi quá hạn 106.612.667 đồng. Anh C kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền vay gốc số tiền 49.300.000 đồng (Bốn mươn chín triệu ba trăm ngàn đồng) và đồng ý trả lãi trong hạn số tiền 15.640.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng), không đồng ý trả tiền lãi quá hạn. Sau đó thay đổi yêu cầu kháng cáo, xem xét khấu trừ phần tiền phí mượn xe số tiền 38.181.000 đồng vào phần tiền vốn gốc vì anh C cho rằng giữa hay bên không có việc cầm cố tài sản và mượn lại tài sản. Sau khi khấu trừ, số tiền nợ gốc còn lại là 41.799.999 đồng, lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng, lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, giữa Công ty S và anh C đã thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản (Bút lục 09) và Giấy mượn tài sản (Bút lục 08) ký kết cùng ngày 16/06/2017. Anh C cho rằng không thực hiện việc cầm cố tài sản và mượn lại tài sản mà chỉ là việc vay tiền từ Công ty S nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ dùng để chứng minh. Đối với yêu cầu trả số tiền phí mượn xe việc Công ty S đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với phần phí mượn xe là có lợi cho anh C.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn C cung cấp bảng kê chi tiết thanh toán tổng số tiền còn lại anh Trương Văn C phải trả cho Công ty cổ phần S cụ thể: Số tiền vay gốc 41.799.999 đồng và lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng, lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng. Tổng số tiền là 80.922.657 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S đồng ý với bảng kê chi tiết số tiền mà anh Trương Văn C còn nợ đối với Công ty cổ phần S. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trương Văn C, công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp).

[3] Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận;

[4] Do kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn C được chấp nhận nên anh C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T4 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự tự thỏa thuận giữa anh Trương Văn C và Công ty cổ phần S có ngay.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trương Văn C;

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Trương Văn C trả phí mượn xe theo thỏa thuận và yêu cầu tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 01-11-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc anh Trương Văn C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền cầm cố tạm tính đến ngày 31-10-2024 tổng cộng là 80.922.000 đồng (T3 mươi triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) (đã làm tròn), trong đó bao gồm số tiền vay gốc 41.799.999 đồng (Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín chín đồng) và lãi trong hạn số tiền 2.039.999 đồng (Hai triệu, ba mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), lãi quá hạn số tiền 37.082.659 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.046.000 đồng (Bốn triệu, bốn mươi sáu nghìn đồng) (đã làm tròn).

Công ty Cổ phần S Có Ngay phải chịu 5.385.000 đồng (Năm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (đã làm tròn).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay 6.405.000 đồng-5.385.000 đồng=1.020.000 đồng (Một triệu, hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010404 ngày 25-11-2024 (do anh Hà Lê Quang T nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

4. Về án phí phúc thẩm:

Anh Trương Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Trương Văn C số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006435 ngày 10/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Tháp.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND Tỉnh;
- TAND KV12;
- VKSND KV12;
- Phòng THADS KV12;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (L.Hùng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh